

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA MÔI TRƯỜNG

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản lý chất thải nguy hại		
Mã học phần:	71HAMA40334	Số tin chỉ:	4
Mã nhóm lớp học phần:	232_71HAMA40334_0101		
Hình thức thi: Đồ án (thực hành)	Thời gian làm bài:	45	Phút/nhóm
<input type="checkbox"/> Cá nhân	<input checked="" type="checkbox"/> Nhóm		
<i>Quy cách đặt tên file</i>	<i>Mã SV_Ho và ten SV_.....</i>		

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Thiết kế thành phần của nhà máy xử lý chất thải nguy hại đáp ứng các quy định về quản lý chất thải nguy hại	Thuyết minh	40%	1 báo cáo thuyết minh	4	PI 3.2
CLO3	Sử dụng thành thạo phần mềm (excel, autocad, revit) trong tính toán và thể hiện bản vẽ	Bản vẽ thiết kế	50%	3-4 bản vẽ	5	PI 8.3
CLO4	Đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và nhóm và cải tiến liên tục	Bảo vệ đồ án	10%	Thuyết trình theo nhóm	1	PI 3.2
						PI 10.3

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài: Thiết kế kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cho một chủ nguồn thải cụ thể (nhà máy, khu công nghiệp, khu dân cư).

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài: được đưa ra trong “ Hướng dẫn thiết kế đồ án môn học” đã gửi lên E.learning

3. Rubric và thang điểm

Rubric 1. Đánh giá thuyết minh đồ án (40%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc 100	Giỏi 90	Khá giỏi 80	Tốt 70	Trung bình khá 60	Trung bình 50	Yếu ≤ 40
Thể hiện đầy đủ các thông tin chung về chủ nguồn thải (CNT) Chương 1: 6 hạng mục - Hướng dẫn BTL”)	10	-Đầy đủ các hạng mục về CNT. - Có phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.	- Đầy đủ các hạng mục về CNT. -Thiếu phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.	-Thiếu/sai 1 hạng mục về CNT. - Có phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.	-Thiếu/sai 2 hạng mục về CNT. - Có phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.	Thiếu/sai 2 hạng mục về CNT. -Thiếu phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.	Thiếu/sai 3 hạng mục về CNT. - Có phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.	Thiếu/sai 3-4 hạng mục về CNT. -Thiếu phần nhận xét về nguồn gốc phát sinh CTNH.
Biện pháp quản lý CTRSH, CTCNTT, CTNH (Chương 2: bao gồm 3 hạng mục - Hướng dẫn BTL”)	35	-Tính toán đúng các hạng mục 2.1, 2.2 và 2.3 của chương 2. - Có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. - Dán nhãn cảnh báo đúng đối với các loại CTNH.	-Tính toán đúng các hạng mục 2.1, 2.2 và 2.3 của chương 2. - Có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. - Dán nhãn cảnh báo sai đối với các loại CTNH.	-Tính toán đúng các hạng mục 2.1, 2.2 và 2.3 của chương 2. - Không có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. - Dán nhãn cảnh báo sai đối với các loại CTNH.	Thiếu/sai 1 hạng mục (2.1 hay 2.2) trong 3 hạng mục của chương 2 - Có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. - Dán nhãn cảnh báo đúng đối với các loại CTNH.	-Tính toán thiếu/sai 1 hạng mục (2.1 hay 2.2) trong 3 hạng mục. - Không có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. - Dán nhãn cảnh báo đúng đối với các loại CTNH.	Tính toán thiếu/sai 2 hạng mục (2.1 và 2.2). - Có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. - Dán nhãn cảnh báo đúng đối với các loại CTNH.	Tính toán thiếu/sai 2 hạng mục 2.1, 2.3 hay 2.2, 2.3. - Không có bảng tổng hợp diện tích kho/khu vực lưu chứa CTNH. -Dán nhãn cảnh báo sai đối với các loại CTNH.
Chứng từ chất thải nguy hại (Chương 3- Hướng dẫn BTL)	20	Điền đầy đủ thông tin và đúng theo mẫu chứng từ CTNH.	Thiếu/sai 1 thông tin trong mẫu chứng từ chất thải nguy hại, ngoại trừ thông tin 4.	Thiếu/sai 2 thông tin trong mẫu chứng từ chất thải nguy hại, ngoại trừ thông tin 4.	Thiếu/sai 2 thông tin trong mẫu chứng từ chất thải, ngoại trừ thông tin 4 và sai 1/8 thông tin 4.	Thiếu/sai 2 thông tin trong mẫu chứng từ chất thải nguy hại ngoại trừ thông tin 4 và sai 2/8 thông tin 4.	- Thiếu/sai 2 thông tin trong mẫu chứng từ chất thải nguy hại, ngoại trừ thông tin 4 và sai 3/8 thông tin 4.	Thiếu/sai 2 thông tin trong chứng từ chất thải nguy hại, ngoại trừ thông tin 4 và sai 5/8 thông tin số 4.

Tiêu chí	Trọng số (%)	Xuất sắc 100	Giỏi 90	Khá giỏi 80	Tốt 70	Trung bình khá 60	Trung bình 50	Yếu ≤ 40
Kế hoạch quản lý chất thải của Nhà máy đối với 3 loại chất thải: CTRSH, CTCRNTT và CTNH) (Chương 4-Hướng dẫn BTL)	10	- Đánh giá đầy đủ công tác quản lý chất thải của CNT. - Có kế hoạch quản lý phù hợp đối với 3 loại chất thải	-Đánh giá chưa đầy đủ (thiếu một ý) đối với công tác quản lý chất thải của CNT. - Có kế hoạch quản lý phù hợp đối với 3 loại chất thải.	-Đánh giá chưa đầy đủ (thiếu 2 ý) đối với công tác quản lý chất thải của CNT. - Có kế hoạch quản lý phù hợp đối với 3 loại chất thải.	-Đánh giá chưa đầy đủ (thiếu 1 ý) đối với công tác quản lý chất thải của CNT. Có kế hoạch quản lý đối với chất thải nhưng thiếu một loại chất thải (ngoại trừ	Đánh giá chưa đầy đủ (thiếu 2 ý) đối với công tác quản lý chất thải của CNT. -Có kế hoạch quản lý đối với chất thải nhưng thiếu một loại chất thải (ngoại trừ	- Đánh giá chưa đầy đủ (thiếu 2 ý) đối với công tác quản lý chất thải của CNT. -Có kế hoạch quản lý đối với 3 loại chất thải nhưng còn sơ sài.	- Không hay thiếu 2 ý đối với công tác quản lý chất thải của CNT. -Thiếu kế hoạch quản lý đối với 2 loại chất thải hay không có kế hoạch quản lý chất thải.
Trình bày (format)	5	-Theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. - Đầy đủ tài liệu tham khảo. -Không có lỗi chính tả.	Theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. -Đầy đủ tài liệu tham khảo. -Có vài lỗi chính tả.	Theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. - Thiếu 1 tài liệu tham khảo. - Có vài lỗi chính tả.	-Theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. - Thiếu 2 tài liệu tham khảo. - Có vài lỗi chính tả.	Theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. - Thiếu 3 tài liệu tham khảo. - Có vài lỗi chính tả.	Theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. - Thiếu 3 tài liệu tham khảo. - Có nhiều lỗi chính tả.	- Không theo đúng cấu trúc của “Hướng dẫn BTL”. - Không có tài liệu tham khảo. - Có nhiều lỗi chính tả.
Sự phối hợp trong nhóm trong quá trình thực hiện (Rubric 1*)	20	Nộp bài tính toán đúng tiến độ, có hiệu chỉnh theo hướng dẫn của giảng viên.	Nộp bài tính toán đúng tiến độ, có hiệu chỉnh nhưng vẫn còn vài sai sót.	Nộp bài tính toán trễ hơn so với tiến độ <1 ngày, tuy nhiên có hiệu chỉnh bài theo hướng dẫn của giảng viên và vẫn còn vài sai sót.	Nộp bài tính toán trễ hơn so với tiến độ < 2 ngày, tuy nhiên có hiệu chỉnh bài theo hướng dẫn của giảng viên và vẫn còn vài sai sót.	Nộp bài tính toán trễ hơn so với tiến độ < 3 ngày, tuy nhiên có hiệu chỉnh bài theo hướng dẫn của giảng viên và vẫn còn vài sai sót.	Nộp bài tính toán trễ hơn so với tiến độ <4 ngày, tuy nhiên có hiệu chỉnh bài theo hướng dẫn của giáo viên và vẫn còn sai sót.	Nộp bài trễ tiến độ ≥ 5 ngày và có/không hiệu chỉnh bài theo hướng dẫn của giảng viên và còn nhiều sai sót hoặc không nộp
Tổng cộng	100							

Rubric 1*. Đánh giá làm việc nhóm (Dành cho sinh viên)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 25%
Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ	15	(100% x số lần họp nhóm) ÷ (chia đều cho) số lần họp nhóm			
Thái độ tham gia tích cực	15	Kết nối tốt	Kết nối khá tốt	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Không kết nối
Ý kiến đóng góp hữu ích	20	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm đúng hạn	20	Đúng hạn	Trễ ít (1-2 lần) và không gây ảnh hưởng tiến độ nộp bài của nhóm	Trễ nhiều (3-4 lần) gây ảnh hưởng đến tiến độ nộp bài của nhóm khác phục	Không nộp/ Trễ nhiều và gây ảnh hưởng tiến độ của nhóm và không thể khác khác phục.
Chất lượng sản phẩm giao nộp tốt	30	Đáp ứng tốt có sáng tạo	Đáp ứng khá tốt theo yêu cầu	Đáp ứng 50% yêu cầu, còn sai sót	Không sử dụng được

Rubric 2. Đánh giá bản vẽ (50%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100	Khá 75	Trung bình 50	Yếu 25
Số lượng bản vẽ và nội dung (3-4 bản vẽ).	15	Đầy đủ số lượng và nội dung bản vẽ theo yêu cầu của “Hướng dẫn đề án môn học “	Thiếu 1 bản vẽ hay 1 nội dung theo yêu cầu của “Hướng dẫn đề án môn học”	Thiếu 2 bản vẽ theo yêu cầu hay 2 nội dung của “Hướng dẫn đề án môn học “	Thiếu 3 bản vẽ hay 3 nội dung theo yêu cầu của “Hướng dẫn đề án môn học “
Phương án thiết kế	40	Đúng phương án thiết kế và đầy đủ các hạng mục công trình	Đúng phương án thiết kế nhưng thiếu 1 hạng mục công trình hay một số công trình phụ trợ	Đúng phương án thiết kế nhưng thiếu 2 hạng mục công trình hay một số công trình phụ trợ	Thể hiện sai phương án thiết kế
Yêu cầu về vẽ kỹ thuật	20	Tuân thủ đúng các yêu cầu về vẽ kỹ thuật theo quy định của Khoa	Tuân thủ các yêu cầu về vẽ kỹ thuật, có 3 lỗi về vẽ kỹ thuật	Tuân thủ các yêu cầu về vẽ kỹ thuật, có 4 lỗi về vẽ kỹ thuật	Tuân thủ tương đối các yêu cầu về vẽ kỹ thuật, có trên 5 lỗi về vẽ kỹ thuật
Hợp khối công trình	15	Bố trí các hạng mục công trình hợp lý	Bố trí các hạng mục công trình khá hợp lý	Bố trí các hạng mục công trình tương đối hợp lý	Bố trí các hạng mục công trình không hợp lý

Quá trình thực hiện	10	Đúng tiến độ	Trễ 1 ngày	Trễ 2 ngày	Trễ \geq 3 ngày
---------------------	----	--------------	------------	------------	-------------------

Rubric 3. Đánh giá bảo vệ đồ án (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Yếu 25%
Nội dung trình bày	40	Đưa ra đầy đủ cơ sở đề xuất thiết kế, các thông số thiết kế và quy chuẩn áp dụng).	Đưa ra khá đầy đủ, còn thiếu một số chi tiết.	Thiếu 1 nội dung theo yêu cầu.	Thiếu 2 nội dung trên 5 nội dung yêu cầu.
Kỹ năng trình bày	20	Rõ ràng và thuyết phục.	Rõ ràng nhưng chưa hay.	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được	Trình bày không rõ ràng, khó hiểu
Quản lý thời gian	10	-Đúng thời gian quy định (15 phút). -Cân đối thời gian giữa các nội dung trình bày hợp lý.	- Quá thời gian qui định 5 phút. - Cân đối thời gian giữa các nội dung trình bày khá /tương đối hợp lý.	-Quá thời gian qui định 10 phút. -Cân đối thời gian giữa các nội dung trình bày chưa hợp lý.	- Quá thời gian quy định 15 phút - Cân đối thời gian giữa các nội dung trình bày chưa hợp lý.
Trả lời câu hỏi (mỗi sinh viên trả lời 2 câu hỏi)	30	Trả lời đầy đủ và đúng cả hai câu hỏi	Trả lời đúng 2 câu hỏi nhưng còn có vài sai sót.	Trả lời đúng 1 câu hỏi và sai một câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04. năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Hồ Thị Thanh Hiền

Nguyễn Thị Phương Loan